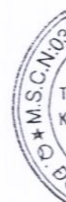


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015	14 - 54



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Minh Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2014
Ông Mạnh Xuân Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Phan Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phùng Thế Tính	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ông Hà Quốc Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015
Trần Thị Thùy Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Anh Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2012
Ông Phạm Văn Hoàng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Lâm An	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Đỗ Thị Tuyết Hạnh

Ngày 01 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 90/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Y N C
Z
Y

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.008.851.199.731	1.740.281.188.371
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.462.498.615	4.188.956.024
1. Tiền	111		10.462.498.615	4.188.956.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		836.972.369.514	1.672.868.022.789
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.438.811.749	4.084.932.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	316.948.397.787	792.265.225.169
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	242.290.000.000	782.590.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	258.284.850.887	93.920.444.105
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	10.309.091	7.420.867
IV. Hàng tồn kho	140		91.173.394.517	52.877.957.892
1. Hàng tồn kho	141	V.8	91.173.394.517	52.877.957.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.242.937.085	10.346.251.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	39.578.247.392	3.332.816.337
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.640.362.046	7.013.435.329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	24.327.647	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.504.559.074.398	3.545.218.301.553
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.245.270.133.333	600.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.245.270.133.333	600.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.032.457.336.956	2.262.187.165.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.794.968.816.821	2.024.115.308.421
<i>Nguyên giá</i>	222		3.421.819.748.858	2.444.413.134.070
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(626.850.932.037)	(420.297.825.649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	237.488.520.135	238.071.857.366
<i>Nguyên giá</i>	228		239.769.433.365	239.622.706.877
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.280.913.230)	(1.550.849.511)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		182.077.396.048	642.601.060.782
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	182.077.396.048	642.601.060.782
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.020.000.000	29.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	29.020.000.000	29.020.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.734.208.061	11.410.074.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	15.734.208.061	11.410.074.984
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.513.410.274.129	5.285.499.489.924

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.132.832.428.729	2.749.446.255.695
I. Nợ ngắn hạn	310		769.988.446.471	801.974.555.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	225.823.404.598	58.877.960.099
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.009.488.096	1.719.339.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.983.558.718	963.298.654
4. Phải trả người lao động	314		13.401.734.444	7.210.474.163
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	20.800.832.679	3.784.448.209
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	48.800.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	27.333.111.423	194.741.166.046
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	474.636.316.513	531.386.025.199
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.243.043.534
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.362.843.982.258	1.947.471.700.147
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	17.900.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	2.306.764.062.785	1.917.766.861.470
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	38.179.919.473	29.704.838.677
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

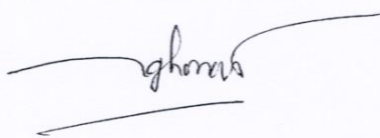
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

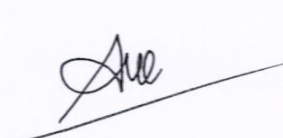
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.380.577.845.400	2.536.053.234.229
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.380.577.845.400	2.536.053.234.229
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.164.000.000.000	2.449.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.164.000.000.000	2.449.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		216.577.845.400	87.053.234.229
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87.053.234.229	32.192.819.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		129.524.611.171	54.860.414.379
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.513.410.274.129	5.285.499.489.924

Người lập biểu



Ngô Hồng Tiến

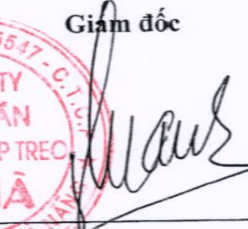
Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm An

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



 Đỗ Thị Tuyết Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

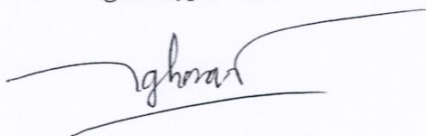
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

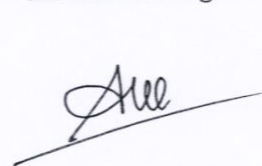
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.014.408.175.866	608.706.919.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.014.408.175.866	608.706.919.544
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	472.887.935.311	293.585.244.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		541.520.240.555	315.121.674.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	99.023.357.544	65.674.652.637
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	373.937.661.814	235.450.704.101
Trong đó: chi phí lãi vay	23		190.518.787.186	180.462.305.897
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	67.334.823.771	53.318.863.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	40.849.208.452	19.451.794.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		158.421.904.062	72.574.966.186
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.871.359.526	725.850.915
12. Chi phí khác	32	VI.8	11.392.760.401	9.269.089.530
13. Lợi nhuận khác	40		(9.521.400.875)	(8.543.238.615)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		148.900.503.187	64.031.727.571
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.900.811.220	631.927.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	8.475.080.796	8.539.386.192
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>129.524.611.171</u>	<u>54.860.414.379</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>545</u>	<u>224</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>545</u>	<u>224</u>

Người lập biểu



Ngô Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm An

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 3 năm 2016



Giám đốc



Đỗ Thị Tuyết Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	148.900.503.187	64.031.727.571
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	218.019.705.958	152.250.940.344
- Các khoản dự phòng	03	(3.243.043.534)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	129.402.397	433.377.199
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	85.784.028.408	(3.790.345.645)
- Chi phí lãi vay	06	190.518.787.186	180.462.305.897
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	640.109.383.602	393.388.005.366
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(91.296.601.428)	(11.127.975.909)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(38.295.436.625)	4.417.074.520
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(81.330.729.373)	526.243.071.586
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(42.848.459.464)	(2.282.784.852)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(220.263.272.520)	(179.331.965.211)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.563.388.084)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	158.511.496.108	731.305.425.500
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(299.865.703.836)	(435.937.775.679)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.205.261.708	2.155.200.021
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(840.050.000.000)	(884.883.350.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.380.350.000.000	567.984.350.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.475.529.000.000)	(304.921.741.810)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	658.648.200.000	217.449.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	89.957.184.871	28.409.320.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(485.284.057.257)	(809.744.396.712)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

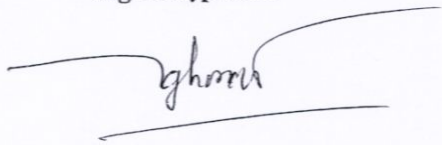
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

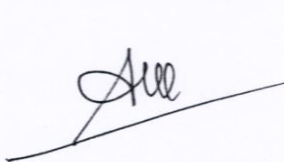
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.046.317.940.110	417.598.388.710
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(713.271.836.370)	(338.196.222.946)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		333.046.103.740	79.402.165.764
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.273.542.591	963.194.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.188.956.024	3.225.761.472
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.462.498.615	4.188.956.024

Người lập biểu



Ngô Hồng Tiến

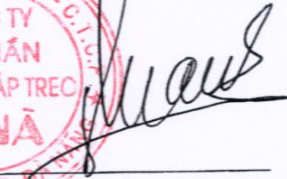
Kế toán trưởng



Nguyễn Lâm An

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



 Đỗ Thị Tuyết Hạnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng hệ thống cáp treo và máng trượt. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách du lịch. Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản và cho thuê nhà làm văn phòng;
- Cho thuê quảng cáo trên pano, trụ tháp và cabin cáp treo thuộc công ty quản lý; dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa và quốc tế;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- San lấp mặt bằng, dịch vụ nổ mìn;
- Bán sách báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ xông hơi, massage và các dịch vụ tăng cường khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Điều hành tua du lịch;
- Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí và chuyển giao công nghệ các loại hình vui chơi giải trí. Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy điện thủy lợi, công trình điện đến 110KV và hạ tầng cơ sở kỹ thuật. Xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- Khai thác, mua bán và chế biến các loại khoáng ./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Căn cứ Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông số 21/15/QĐ-ĐHĐCĐ/BNC ngày 21 tháng 5 năm 2015 về việc tách Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, theo đó công ty được tách là Công ty Cổ phần Sân golf Bà Nà Suối Mơ, Công ty bị tách là Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, vốn điều lệ của Công ty được tách là 285.000.000.000 VND, sau khi tách Công ty, vốn điều lệ còn lại của Công ty bị tách là 2.164.000.000.000 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý khác ngoài tách vốn sang Công ty được tách ra từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Khu du lịch và Biệt thự nghỉ dưỡng Làng Pháp, địa chỉ tại Khu du lịch Bà Nà Hills – thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 948 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 710 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính/bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho dùng cho hoạt động đầu tư được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá xuất của hàng tồn kho cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 35
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 08
Tài sản cố định khác	04 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 đến 06 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Bản quyền tác giả của Công ty là quyền phát hành đĩa nhạc, tuy nhiên Công ty chưa sử dụng, do đó chưa trích khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.196.002.933	360.434.856
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.736.553.682	3.455.576.668
Tiền đang chuyển	529.942.000	372.944.500
Cộng	10.462.498.615	4.188.956.024

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa ⁽ⁱ⁾		28.000.000.000		28.000.000.000
Công ty Cổ phần DHC Suối Đoi ⁽ⁱⁱ⁾	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000
Cộng		29.020.000.000		29.020.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300634655 ngày 26 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, để thực hiện đầu tư quản thể du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi giải trí, khách sạn tại thị trấn Sapa tỉnh Lào Cai, Công ty đã đầu tư vào Công ty Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa 28.000.000.000 VND, tương đương 10,32% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã cam kết góp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401585934 ngày 07 tháng 02 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp để thực hiện đầu tư khai thác Dự án Khu du lịch sinh thái Suối Đoi và mỏ khoáng nóng tại thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần DHC Suối Đoi 1.020.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp là 1.020.000.000 VND, tương đương 0,96% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	171.964.296	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời	147.376.376	
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Cáp treo Fansipan Sapa	24.587.920	
Phải thu các khách hàng khác	19.266.847.453	4.084.932.648
Công ty TNHH Thương mại Miền đất Mặt trời	140.507.109	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	1.652.700	
Công ty TNHH Công viên Châu Á	4.745.305.198	193.988.266
Công ty TNHH Olympia	8.864.264.018	1.066.975.140
Công ty Cổ phần Khu du lịch Sinh thái Biển Bã Bắc	3.110.575.000	1.520.125.000
Công ty TNHH Một thành viên Mặt trời Phú Quốc	59.295.000	131.725.827
Công ty Cổ phần Địa Cầu - Chi nhánh Khu Biệt thự Nghi dưỡng Du lịch Cao cấp Sunrise	34.073.000	
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương ADC	595.435.614	41.558.422
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Thời đại	161.440.207	875.000
Công ty TNHH Đá Châm	275.268.804	235.023.774
Các khách hàng khác	1.279.030.803	894.661.219
Cộng	19.438.811.749	4.084.932.648

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>316.948.397.787</i>	<i>792.265.225.169</i>
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Olympia	34.314.520.000	
Công ty TNHH Thương mại Miền đất Mặt Trời		359.958.958.659
Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA	63.355.890.244	112.615.968.800
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương ADC	141.189.666.410	156.081.950.756
Công ty TNHH Olympia		133.851.833.438
Doppelmayr Sellbahnen GMBH	51.589.311.012	2.559.755.491
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Đại Thiên Phát	10.375.000	10.375.000
Các nhà cung cấp khác	26.488.635.121	27.186.383.025
Cộng	316.948.397.787	792.265.225.169

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>		<i>206.000.000.000</i>
Ông Mạnh Xuân Thuận		206.000.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>242.290.000.000</i>	<i>576.590.000.000</i>
Ông Đặng Minh Trường		152.200.000.000
Ông Trần Minh Sơn	10.400.000.000	324.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	231.890.000.000	99.890.000.000
Cộng	242.290.000.000	782.590.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	491.072.000		8.943.551.110	
Ông Mạnh Xuân Thuận - lãi cho vay			8.942.361.110	
Ông Mạnh Xuân Thuận - thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và các khoản khác	483.322.000		1.190.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (lãi hợp tác kinh doanh và các khoản khác)	7.750.000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	257.793.778.887		84.976.892.995	
Công ty Cổ phần Sân Golf Bà Nà Suối Mơ	144.726.307.170			
Ông Trần Minh Sơn - lãi cho vay	60.886.224.375		30.833.317.429	
Ông Trần Minh Sơn - chuyển nhượng cổ phần			9.800.000.000	
Ông Lê Viết Lam - lãi cho vay			5.173.055.556	
Bà Nguyễn Thị Hương Lan - lãi cho vay	18.080.711.804		3.189.543.193	
Ông Đặng Minh Trường - lãi cho vay			22.178.802.778	
Tiền lãi vay hợp đồng hợp tác kinh doanh đã chi hộ	22.755.122.111			
Phải thu Nguyễn Minh Trang về tiền vé phân phối cho chương trình mùa đông Concert và Liveshow Bằng Kiều	800.000.000		800.000.000	
Thuế GTGT chưa kê khai	5.301.683.734		7.268.786.618	
Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	2.800.000.000			
Phải thu Ông Hoàng Văn Thiệu			1.043.964.000	
Tạm ứng ngắn hạn	731.453.380		797.075.429	
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.982.273		25.882.273	
Các khoản khác	1.691.294.040		3.866.465.719	
Cộng	258.284.850.887		93.920.444.105	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.225.000.000.000		600.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời - Góp vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	1.225.000.000.000		600.000.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	20.270.133.333			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh niên - Góp vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	20.000.000.000			
Các khoản ký cược, ký quỹ	270.133.333			
Cộng	1.245.270.133.333		600.000.000.000	

(i) Hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án xây dựng khu đô thị sinh thái đa chức năng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ kinh doanh "Dự án Hòa Xuân giai đoạn 2" số 15042013/HDDT/Sungroup-Bana ngày 20/04/2013 giá trị 600 tỷ đồng, tương đương 15% tổng giá trị hợp đồng và hợp đồng 366/2015/HDHT/BNC-SHD, ngày 25/11/2015 giá trị 625 tỷ đồng tương đương 28,9% tổng hợp đồng đầu tư. Theo đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp Treo Bà Nà và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời cùng nhau góp vốn, xây dựng, kinh doanh cùng thực hiện phân chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

(ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Cao ốc Trần Hưng Đạo số 327/2015/HDHT/BNC-TTTN ngày 25/12/2014 tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp Treo Bà Nà và Công ty Cổ phần Tập đoàn Truyền thông Thanh Niên cùng nhau góp vốn, xây dựng, kinh doanh cùng thực hiện phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	10.309.091	7.420.867

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	57.281.796.004		50.247.073.534	
Công cụ, dụng cụ	31.258.899.019		873.268.412	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.628.323		1.576.144	
Thành phẩm	12.097.567		12.437.259	
Hàng hóa	2.601.973.604		1.743.602.543	
Cộng	91.173.394.517		52.877.957.892	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	700.975.083	206.212.437
Chi phí công cụ, dụng cụ	26.301.913.440	2.197.683.154
Chi phí đồng phục nhân viên	1.035.135.010	229.137.499
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	10.882.424.745	415.007.080
Chi phí thuê văn phòng	160.000.000	239.776.167
Chi phí khác	497.799.114	45.000.000
Cộng	39.578.247.392	3.332.816.337

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.493.954.338	7.125.033.870
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	2.565.278.723	2.408.462.738
Chi phí trước hoạt động Chi nhánh Làng Pháp		1.385.626.000
Chi phí liên quan trái phiếu phát hành	4.501.875.000	
Chi phí trả trước dài hạn khác	173.100.000	490.952.376
Cộng	15.734.208.061	11.410.074.984

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.187.133.856.793	353.676.895.203	773.449.309.782	3.278.814.352	126.874.257.940	2.444.413.134.070
Mua trong năm	410.045.026	17.090.462.012	20.091.424.753	783.342.710	3.260.518.795	41.635.793.296
Đầu tư XD/CB hoàn thành	791.638.234.178	120.118.550.762	15.395.225.741		43.268.189.955	970.420.200.636
Giảm do chia tách Công ty	(36.972.064)	(22.734.302.685)	(2.143.058.830)	(90.871.773)	(279.864.018)	(25.285.069.370)
Thanh lý, nhượng bán		(1.649.339.437)	(214.375.000)			(1.863.714.437)
Giảm do phá dỡ	(4.588.119.892)				(2.912.475.445)	(7.500.595.337)
Số cuối năm	1.974.557.044.041	466.502.265.855	806.578.526.446	3.971.285.289	170.210.627.227	3.421.819.748.858
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.088.627.591	2.039.920.731	244.359.333	1.425.319.753		4.798.227.408
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	149.687.394.002	170.202.272.738	74.369.738.921	2.486.296.839	23.552.123.149	420.297.825.649
Khấu hao phân bổ vào chi phí	87.796.041.066	64.543.905.221	37.677.856.836	328.979.462	26.925.029.654	217.271.812.239
Khấu hao phân bổ vào XD/CB	55.283.147	1.875.223.422	224.060.048	57.409.169	89.104.210	2.301.079.996
Giảm do chia tách Công ty	(36.972.064)	(6.342.898.877)	(942.434.696)	(59.605.982)	(189.095.554)	(7.571.007.173)
Thanh lý, nhượng bán		(745.430.093)	(87.089.820)			(832.519.913)
Giảm do phá dỡ	(1.870.591.744)				(2.745.667.017)	(4.616.258.761)
Số cuối năm	235.631.154.407	229.533.072.411	111.242.131.289	2.813.079.488	47.631.494.442	626.850.932.037
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.037.446.462.791	183.474.622.465	699.079.570.861	792.517.513	103.322.134.791	2.024.115.308.421
Số cuối năm	1.738.925.889.634	236.969.193.444	695.336.395.157	1.158.205.801	122.579.132.785	2.794.968.816.821

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.244.005.433.249 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu thường tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	236.014.181.017	225.500.000	3.383.025.860	239.622.706.877
Mua trong năm	7.800.000		167.056.488	174.856.488
Thanh lý, nhượng bán			(17.830.000)	(17.830.000)
Giảm khác	(10.300.000)			(10.300.000)
Số cuối năm	236.011.681.017	225.500.000	3.532.252.348	239.769.433.365
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			51.760.800	51.760.800
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm			1.550.849.511	1.550.849.511
Khấu hao trong năm			747.893.719	747.893.719
Thanh lý, nhượng bán			(17.830.000)	(17.830.000)
Số cuối năm			2.280.913.230	2.280.913.230
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	236.014.181.017	225.500.000	1.832.176.349	238.071.857.366
Số cuối năm	236.011.681.017	225.500.000	1.251.339.118	237.488.520.135

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	299.066.946	75.412.825.350	(41.635.793.296)		34.076.099.000
Xây dựng cơ bản dở dang	642.134.627.854	850.524.202.886	(970.420.200.636)	(376.683.594.370)	145.555.035.734
- Dự án Làng Pháp	430.949.576.396	480.377.352.579	(799.765.775.326)		111.561.153.649
- Dự án Sân Golf ⁽¹⁾	154.742.410.816	221.941.183.554		(376.683.594.370)	
- Công trình Lâu Đài (thuộc Làng Pháp)	32.497.199.754	211.499.041			32.708.698.795
- Các công trình khác	23.945.440.888	147.994.167.712	(170.654.425.310)		1.285.183.290
Sửa chữa lớn tài sản cố định	167.365.982	8.433.744.542		(6.154.849.210)	2.446.261.314
Cộng	642.601.060.782	934.370.772.778	(1.012.055.993.932)	(382.838.443.580)	182.077.396.048

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000011 chứng nhận lần đầu ngày 8/5/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 23/08/2012: Tên dự án đầu tư là Quần thể Khu du lịch Bà Nà - Suối Mơ được phân kỳ thành 2 giai đoạn, giai đoạn 1 thực hiện tuyến cáp treo Bà Nà khởi công tháng 1 năm 2008 và dự kiến hoàn thành tháng 12 năm 2008, giai đoạn 2 thực hiện khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ khởi công năm 2009 và dự kiến kiến hoàn thành năm 2015; Mục tiêu và quy mô của dự án là đầu tư xây dựng tuyến cáp treo, nhà ga đi, ga đến, sân Golf; đầu tư xây dựng và kinh doanh Khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ; Địa điểm thực hiện dự án tại xã Hòa Ninh và Hòa Phú, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng trên diện tích đất sử dụng là 816,7552 ha với tổng vốn đầu tư là 9.849.450.000.000 VND; Thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Theo Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông số 21/15/QĐ-ĐHĐCĐ/BNC ngày 21 tháng 05 năm 2015 về việc tách Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, theo đó công ty được tách là Công ty Cổ phần Sân golf Bà Nà Suối Mơ, do đó tài sản đầu tư của dự án sân Golf được chuyển giao cho Công ty được chia tách.

Công ty đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 179.631.134.734 VND (số đầu năm là 642.433.694.800 VND) để đảm bảo cho các khoản vay/nợ tại các Ngân hàng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.804.781.250	3.056.666.305
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	3.804.781.250	3.056.666.305
Phải trả các nhà cung cấp khác	222.018.623.348	55.821.293.794
Công ty TNHH Olympia	55.555.903.439	
Công ty TNHH Thương mại Miền đất Mặt Trời	110.461.897.473	
Công ty TNHH Cung ứng Hàng hóa Đầu tư Miền Đất Mặt trời	21.471.670.095	
Công ty Cổ Phần Khu Biệt thự Nghi dưỡng Cao Cấp Sunrise	989.584.153	
Công ty Cổ phần Khu Du lịch Sinh thái Biển Bãi Bắc	128.695.189	776.341.239
Công ty TNHH Cung ứng Hàng hóa Thăng Long	2.850.148.345	691.304.025
Công Ty TNHH Mặt trời Sông Hàn	622.125.330	701.234.717
Công ty TNHH Mặt trời Xứ Nghệ	833.632.400	
Công ty TNHH Công viên Châu Á	771.612.554	28.857.934
Activex Trading Limited		17.399.827.402
Các nhà cung cấp khác	28.333.354.370	36.223.728.477
Cộng	225.823.404.598	58.877.960.099

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	4.009.488.096	1.719.339.644
Công ty Cổ phần DHC Suối Đồi	36.450.000	
Công ty Cổ phần Địa Cầu		114.317.600
Công ty TNHH Một thành viên Ánh Sân Việt	450.000.000	
Ông Nguyễn Đại Long	60.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng khác	3.463.038.096	1.605.022.044
Cộng	4.009.488.096	1.719.339.644

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	313.237.766		16.654.063.492	(16.925.907.992)	41.393.265	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			476.042.645	(476.042.645)		
Thuế xuất, nhập khẩu			87.367.125	(111.694.772)		24.327.647
Thuế thu nhập doanh nghiệp	518.267.896		10.900.811.220	(7.563.388.084)	3.855.691.032	
Thuế thu nhập cá nhân	131.792.992		1.689.066.851	(1.734.385.422)	86.474.421	
Thuế nhà đất			87.245.424	(87.245.424)		
Các loại thuế khác			1.259.106.592	(1.259.106.592)		
Cộng	963.298.654		31.153.703.349	(28.157.770.931)	3.983.558.718	24.327.647

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000011 ngày 08 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu và cấp bổ sung lần 3 là ngày 23 tháng 8 năm 2012, Công ty được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 20% và áp dụng trong thời gian 10 năm, kể từ khi dự án đầu tư Quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009); được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2015) và được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế của dự án với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.900.503.187	64.031.727.571
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(33.573.120.980)	(51.485.605.100)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	8.802.283.000	215.447.654
- Các khoản điều chỉnh giảm	(42.375.403.980)	(51.701.052.754)
<i>Chênh lệch khấu hao tuyến cáp từ 35 năm xuống 10 năm</i>	<i>(42.375.403.980)</i>	<i>(51.701.052.754)</i>
Thu nhập chịu thuế	115.327.382.207	12.546.122.471
Điều chỉnh số chuyển lỗ theo biên bản thanh tra thuế		1.475.714.703
Lỗ các năm trước được chuyển		(7.702.567.175)
Thu nhập tính thuế	115.327.382.207	6.319.269.999
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	23.065.476.441	1.263.854.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(11.532.738.221)	(631.927.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.532.738.220	631.927.000
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(631.927.000)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp trong năm	10.900.811.220	631.927.000

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	20.800.832.679	3.784.448.209
Chi phí thi công các hạng mục đã hoàn thành	16.554.141.660	2.344.987.941
Chi phí quảng cáo	3.000.000.000	
Chi phí điện nước	85.477.307	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.161.213.712	1.439.460.268
Cộng	20.800.832.679	3.784.448.209



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	27.333.111.423	194.741.166.046
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.091.954	1.145.259
Kinh phí công đoàn	493.659.199	395.774.599
Bảo hiểm xã hội	11.921.519	290.882.705
Bảo hiểm y tế	85.001	120.201.183
Bảo hiểm thất nghiệp		17.551.151
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	290.018.000	145.250.000
Nhận đặt cọc tiền bán biệt thự tại khu quần thể du lịch Bà Nà Suối Mơ		159.893.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	23.920.459.145	30.909.822.368
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.605.876.605	2.967.538.781
Cộng	27.333.111.423	194.741.166.046

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	17.900.000.000	
Phải trả tiền hợp tác kinh doanh ông Phạm Quốc Quân dự án quần thể sinh thái Bà Nà - Suối Mơ	17.900.000.000	

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	474.636.316.513	531.386.025.199
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱ⁾	67.394.040.649	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	407.242.275.864	531.386.025.199
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng	8.000.000.000	8.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	199.722.275.864	459.606.025.199
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	199.520.000.000	63.780.000.000
Cộng	474.636.316.513	531.386.025.199

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TRƯỚC BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với 03 lô đất: Lô 29 B2-32, Lô 28 B2-32, Lô 1 B2-21 tại khu đô thị ven sông Hòa Xuân, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		197.482.134.155		(130.088.093.506)	67.394.040.649
Vay dài hạn đến hạn trả	531.386.025.199		452.605.993.529	(576.749.742.864)	407.242.275.864
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng	8.000.000.000		5.412.800.000	(5.412.800.000)	8.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	459.606.025.199		226.505.193.529	(486.388.942.864)	199.722.275.864
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	63.780.000.000		220.688.000.000	(84.948.000.000)	199.520.000.000
Cộng	531.386.025.199	197.482.134.155	452.605.993.529	(706.837.836.370)	474.636.316.513

18b. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.306.764.062.785	1.917.766.861.470
Vay dài hạn ngân hàng	1.307.562.673.896	1.717.766.861.470
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	19.332.772.193	24.745.572.193
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽ⁱⁱ⁾	518.300.911.670	744.806.105.199
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	769.928.990.033	948.215.184.078
Trái phiếu thường dài hạn ^(iv)	999.201.388.889	200.000.000.000
Cộng	2.306.764.062.785	1.917.766.861.470

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng để Thanh toán chi phí thực hiện Dự án xe trượt ống Bà Nà thuộc dự án quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà - Suối Mơ với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân thửa đất số 1 -11 B2-20, 14-19 B2-20 và tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02-2013/HĐTD/VPB_BNC ngày 9/7/2013 để thanh toán các khoản vay theo đầu tư dự án tuyến cáp treo 1&2 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 34 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất của 13 lô đất trên đỉnh Bà Nà: AN104127-29, 58-59, N631339-41, N652676-77, N652679, N652681-82, Tuyến cáp 1,2 và nhà ga 1- 4 và 45 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà của ông Mạnh Xuân Thuận.
- Hợp đồng tín dụng số 100414-832941-01-SME ngày 24/4/2014 để Đầu tư Dự án Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills với lãi suất theo khế ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 07 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Toàn bộ tài sản gắn liền với đất Dự án Khu vườn hoa Festival Bà Nà Hills.
- Hợp đồng tín dụng số 271213-832941-01-SME ngày 30/12/2013 để Đầu tư Dự án tuyến cáp treo Bà Nà - By Night với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/VPB-BNC ngày 22/4/2013 để thanh toán cho các hạng mục triển khai thuộc dự án "Khu vui chơi giải trí FEC & CLUB" với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất tại khu vui chơi giải trí gia đình FEC&CLUB, động sản và quyền tài sản phát sinh từ hoặc được tạo lập trong quá trình xây dựng và triển khai dự án.

(iii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/4312641/HĐTD ngày 06/02/2013 để thanh toán Dự án khu khách sạn Mercure - Làng Pháp Bà Nà với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 96 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, 18 lô đất thuộc khu đô thị sinh thái Hòa Xuân: 1-15, 21-23 B2-4, thửa đất số 2, 3 biểu đồ số 13.
- Hợp đồng tín dụng số 04/2012/4312641/HĐTD ngày 21/12/2012 để thanh toán Dự án Đầu tư Nhà Ga và tuyến cáp treo số 3 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 66 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 2.300.000 Cổ phiếu Tập đoàn Vingroup thuộc sở hữu của bà Phạm Thu Hương, Khu đất 400.000 m² tại Bà Nà - Suối Mơ, quyền sử dụng các lô đất Khu đô thị Hòa Xuân giai đoạn 1A: thửa đất số 7-36 tờ bản đồ B1-36 và thửa đất số 1-33 tờ bản đồ số B1-37, quyền sử dụng đất thửa số 1, tờ B2-9 Hòa Xuân Riaparian giai đoạn 2.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2013/4312641/HĐTD ngày 7/8/2013 để thanh toán đầu tư dự án sân Golf Bà Nà - Giai đoạn 1 với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng 2 lô đất diện tích 12.813 m² thửa số 1 tờ bản đồ A5 GCN QSD BE 572595 và thửa số 1 tờ bản đồ A8 BE 572593, và quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền đất tại Khu đô thị Ven sông Hàn và tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn từ 02 đến 03 năm, được phát hành cho các tổ chức tín dụng để mở rộng đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ phát hành trái phiếu thường (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất Kỳ hạn	Giá trị
Trái phiếu phát hành cho các tổ chức và cá nhân khác			1.000.000.000.000		200.000.000.000
Phát hành theo mệnh giá					
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo là Cổ phần VIC thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thành phố mặt trời; bà Chu Thị Hồng Hạnh; Công ty Cổ phần Địa Cầu, ông Nguyễn Văn Hiệp; ông Trần Khanh, mệnh giá 200.000.000.000 VND phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam để tăng quy mô vốn hoạt động	10,04%/năm	36 tháng	200.000.000.000	10,04%/năm	36 tháng
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu VIC, mệnh giá 150.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương để tăng quy mô vốn hoạt động	9%/năm	24 tháng	150.000.000.000		
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng 6.6773.134 cổ phiếu VIC, mệnh giá 150.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Đông Nam Á để tăng quy mô vốn hoạt động	9%/năm	24 tháng	150.000.000.000		
Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo bằng cổ phiếu VIC, mệnh giá 500.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để hợp tác kinh doanh với Công ty Sungroup thực hiện đầu tư dự án Hòa Xuân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 366/2015/HTKD/BNC-SHD ngày 25/11/2015	9%/năm	24 tháng	500.000.000.000		
Cộng			1.000.000.000.000		200.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.714.804.949.760	407.242.275.864	1.282.581.687.779	24.980.986.117
Trái phiếu thường	999.201.388.889		999.201.388.889	
Cộng	2.714.006.338.649	407.242.275.864	2.281.783.076.668	24.980.986.117

Số đầu năm

Vay dài hạn ngân hàng	2.249.152.886.669	531.386.025.199	1.573.237.465.936	144.529.395.534
Trái phiếu thường	200.000.000.000		200.000.000.000	
Cộng	2.449.152.886.669	531.386.025.199	1.773.237.465.936	144.529.395.534

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Vay dài hạn	Trái phiếu thường	Cộng
Số đầu năm	1.717.766.861.470	200.000.000.000	1.917.766.861.470
Số tiền vay phát sinh	48.835.805.955	800.000.000.000	848.835.805.955
Tăng khác (phân bổ chi phí phát hành trái phiếu)		1.201.388.889	1.201.388.889
Số tiền vay đã trả	(6.434.000.000)		(6.434.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(452.605.993.529)		(452.605.993.529)
Giảm khác (Chi phí phát hành trái phiếu)		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	1.307.562.673.896	999.201.388.889	2.306.764.062.785

18c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch thời gian khấu hao theo quy định của Nhà nước và thời gian khấu hao của Công ty. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.704.838.677	21.165.452.485
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	8.475.080.796	8.539.386.192
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số cuối năm	38.179.919.473	29.704.838.677

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	2.449.000.000.000	32.192.819.850	2.481.192.819.850
Lợi nhuận trong năm trước		54.860.414.379	54.860.414.379
Số cuối năm trước	2.449.000.000.000	87.053.234.229	2.536.053.234.229
Số dư đầu năm nay	2.449.000.000.000	87.053.234.229	2.536.053.234.229
Lợi nhuận trong năm nay		129.524.611.171	129.524.611.171
Chia tách Công ty	(285.000.000.000)		(285.000.000.000)
Số cuối năm nay	2.164.000.000.000	216.577.845.400	2.380.577.845.400

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Đầu tư Cù Lao Chàm		230.000.000.000
Ông Lê Viết Lam	834.585.500.000	1.249.000.000.000
Ông Mạnh Xuân Thuận	735.770.000.000	969.000.000.000
Ông Vũ Huy Thắng	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	154.674.500.000	
Các cổ đông khác	437.970.000.000	
Cộng	2.164.000.000.000	2.449.000.000.000

Theo Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông số 21/15/QĐ-ĐHĐCĐ/BNC ngày 21 tháng 05 năm 2015 về việc tách Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, theo đó công ty được tách là Công ty Cổ phần Sân golf Bà Nà Suối Mơ, Công ty bị tách là Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà, vốn điều lệ của Công ty được tách là 285.000.000.000 VND, sau khi tách Công ty, vốn điều lệ còn lại của Công ty bị tách là 2.164.000.000.000 VND. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400585547 thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 6 năm 2015 do chia tách Công ty.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	216.400.000	244.900.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành công chúng	216.400.000	244.900.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	216.400.000	244.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.365,10	1.231,00
Bath Thái Lan (BATH)	520,00	380,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ cáp treo, dịch vụ tại ga	740.277.327.000	463.279.155.164
Dịch vụ khách sạn	29.642.999.959	13.653.778.358
Dịch vụ nhà hàng	151.513.914.689	86.726.690.859
Dịch vụ cáp kéo và vườn hoa	53.967.389.091	26.000.997.271
Dịch vụ kinh doanh tour	9.016.881.019	
Doanh thu khác	29.989.664.108	19.046.297.892
Cộng	1.014.408.175.866	608.706.919.544

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời. Giao dịch phát sinh với Công ty cổ phần Tập đoàn Mặt trời như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ	181.223.610	15.489.497

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ cáp treo, dịch vụ tại ga	196.854.708.070	155.313.433.019
Dịch vụ khách sạn	52.340.267.350	12.645.351.920
Dịch vụ nhà hàng	149.483.811.127	85.014.650.842
Dịch vụ cáp kéo và vườn hoa	42.887.047.581	23.210.223.271
Dịch vụ kinh doanh tour	8.037.289.286	
Giá vốn khác	23.284.811.898	17.401.585.598
Cộng	472.887.935.311	293.585.244.650

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay	98.607.040.984	62.484.261.260
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	138.417.112	81.429.194
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	272.749.448	3.108.962.183
Chiết khấu thanh toán	5.150.000	
Cộng	99.023.357.544	65.674.652.637

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	190.518.787.186	180.462.305.897
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	181.680.800.000	53.597.800.000
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.409.513.889	200.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.921.071	639.710.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	129.402.397	433.377.199
Chi phí tài chính khác	193.237.271	117.510.492
Cộng	373.937.661.814	235.450.704.101

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.044.109.908	478.347.380
Chi phí vật liệu, bao bì	145.053.793	46.892.079
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.035.521.323	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.041.618.447	452.951.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.524.991.698	50.512.434.406
Các chi phí khác	1.543.528.602	1.828.238.093
Cộng	67.334.823.771	53.318.863.034

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.147.400.179	12.108.781.290
Chi phí vật liệu quản lý	408.085.769	408.763.890
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.391.243	482.128.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.622.975.181	1.789.673.444
Thuế, phí và lệ phí	316.902.263	7.847.369
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi		4.950.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.818.331.702	734.365.162
Các chi phí khác	19.224.122.115	3.915.284.150
Cộng	40.849.208.452	19.451.794.210

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	318.386.385	
Hàng thừa khi kiểm kê	72.654.825	
Thu phạt tổn thất tài sản	159.537.273	102.788.756
Phạt vi phạm hợp đồng		130.064.606
Thu nhập khác	1.320.781.043	492.997.553
Cộng	1.871.359.526	725.850.915

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.710.269.392	5.480.766.147
Phạt thực hiện hợp đồng		3.643.090.000
Phạt hành chính	11.620.000	
Phạt chậm nộp thuế	36.970.104	
Xử lý công nợ tồn đọng	8.441.648.125	
Lãi chậm nộp bảo hiểm	18.840.255	
Chi phí khác	173.412.525	145.233.383
Cộng	11.392.760.401	9.269.089.530

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	129.524.611.171	54.860.414.379
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	129.524.611.171	54.860.414.379
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	237.775.000	244.900.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	545	224

9b. Thông tin khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số VIII.6, khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại phải trả chưa được xác định trong năm trước. Việc xác định lại khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại phải trả này làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cùng kỳ năm trước giảm đi một khoản là 8.539.386.192 VND do đó làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 259 VND xuống còn 224 VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.208.810.420	54.605.269.919
Chi phí nhân công	100.116.747.536	57.929.266.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.019.705.958	155.487.041.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.190.541.840	80.745.215.085
Chi phí khác	31.101.918.541	16.316.598.112
Cộng	577.637.724.295	365.083.391.447

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Giảm vốn do chia tách doanh nghiệp</i>	<i>(285.000.000.000)</i>	
Giảm tài sản cố định	(17.714.062.197)	
Nguyên giá	(25.285.069.370)	
Hao mòn lũy kế	7.571.007.173	
Giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(376.683.594.370)	
Cơ cấu lại công nợ	109.397.656.567	
Cộng	(285.000.000.000)	

2. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	246.317.940.110	217.598.388.710
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	800.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	1.046.317.940.110	417.598.388.710

3. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	713.271.836.370	338.196.222.946

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chi trả tiền cho vay và thu hồi với các cá nhân có liên quan.

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, Ông Mạnh Xuân Thuận còn dùng 45.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số dư nợ gốc và tiền lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.6.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.177.844.362	936.052.483

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời	Cổ đông góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời. Giao dịch phát sinh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời cung cấp dịch vụ và hàng hóa	7.452.283.800	2.786.738.400
Góp vốn hợp tác kinh doanh	625.000.000.000	600.000.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh Cáp treo và dịch vụ tại ga.
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng.
- Lĩnh vực Hợp tác kinh doanh.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Doanh thu dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	740.277.327.000	181.156.914.648	92.973.934.218	1.014.408.175.866
Doanh thu thuần về bán hàng				

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Doanh thu dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	740.277.327.000	181.156.914.648	92.973.934.218	1.014.408.175.866
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	543.422.618.930	(20.667.163.829)	18.764.785.454	541.520.240.555
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(108.184.032.223)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				433.336.208.332
Doanh thu hoạt động tài chính				99.023.357.544
Chi phí tài chính				(373.937.661.814)
Thu nhập khác				1.871.359.526
Chi phí khác				(11.392.760.401)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.900.811.220)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(8.475.080.796)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				129.524.611.171
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	459.681.823.504	97.831.295.289	167.782.012.295	725.295.131.088
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	148.950.487.446	31.700.229.106	54.366.327.399	235.017.043.951
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	463.279.155.164	100.380.469.217	45.047.295.163	608.706.919.544
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	463.279.155.164	100.380.469.217	45.047.295.163	608.706.919.544
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	307.965.722.145	2.720.466.455	4.435.486.294	315.121.674.894
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(72.770.657.244)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				242.351.017.650
Doanh thu hoạt động tài chính				65.674.652.637
Chi phí tài chính				(235.450.704.101)
Thu nhập khác				725.850.915

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Doanh thu dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí khác				(9.269.089.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(631.927.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(8.539.386.192)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				54.860.414.379
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	933.147.617.887	189.124.441.015	205.131.935.882	1.327.403.994.784
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	162.490.675.648	32.932.579.597	35.719.993.514	231.143.248.759

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Doanh thu dịch vụ cáp treo và dịch vụ tại ga	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.720.616.049,075	665.775.367,442	341.691.374,777	3.728.082.791,294
Tài sản phân bổ cho bộ phận				1.785.327.482,835
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>5.513.410.274,129</u>
Tổng tài sản				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.270.254.685,161	555.565.217,559	285.128.967,291	3.110.948.870,011
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				21.883.558,718
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>3.132.832.428,729</u>
Tổng nợ phải trả				
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.873.698.579,598	622.655.279,420	279.426.230,776	3.775.780.089,796
Tài sản phân bổ cho bộ phận				1.509.719.400,129
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>5.285.499,489,925</u>
Tổng tài sản				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.091.835,695,370	453.246.053,239	203.401.208,432	2.748.482.957,041
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				963.298,654
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>2.749.446.255,695</u>
Tổng nợ phải trả				

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Các sai sót

Một số chi phí thuế hoãn lại phải trả liên quan trực tiếp đến việc chênh lệch thời gian khấu hao tài sản của tuyến cáp treo giữa Công ty và quy định của Nhà nước. Đồng thời lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh của những năm trước chưa được ghi nhận vào báo cáo của Công ty.

3c. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Phải thu ngắn hạn khác	136	93.097.486.403	822.957.702	93.920.444.105	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	822.957.702	(822.957.702)		(i)
Phải thu dài hạn khác	216		600.000.000.000	600.000.000.000	(i)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	629.020.000.000	(600.000.000.000)	29.020.000.000	(i)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		48.800.000	48.800.000	(i)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	48.800.000	(48.800.000)		(i)
Phải trả ngắn hạn khác	319	194.597.366.046	143.800.000	194.741.166.046	(i)
Phải trả dài hạn khác	337	143.800.000	(143.800.000)		(i)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		29.704.838.677	29.704.838.677	(ii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	116.758.072.906	(29.704.838.677)	87.053.234.229	(ii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	605.243.941.934	3.462.977.610	608.706.919.544	(i)
Giá vốn hàng bán	02	292.312.734.203	1.272.510.447	293.585.244.650	(i)
Thu nhập khác	31	6.344.028.546	(5.618.177.631)	725.850.915	(i)
Chi phí khác	32	12.696.799.998	(3.427.710.468)	9.269.089.530	(i)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		8.539.386.192	8.539.386.192	(ii)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp					
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	58.450.833.744	(62.241.179.389)	(3.790.345.645)	(iii)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(78.534.711.104)	67.406.735.195	(11.127.975.909)	(iii)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.032.423.988	384.650.532	4.417.074.520	(iii)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	526.365.729.776	(122.658.190)	526.243.071.586	(iii)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	113.800.000	(113.800.000)		(i)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.670.555.259)	3.670.555.259		(i)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.782.932.424	(627.732.403)	2.155.200.021	(iii)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(939.883.350.000)	55.000.000.000	(884.883.350.000)	(iii)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(305.044.400.000)	122.658.190	(304.921.741.810)	(iii)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	280.847.400.000	(63.397.800.000)	217.449.600.000	(iii)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.490.749.950	(81.429.194)	28.409.320.756	(iii)

- (i) Phân loại lại theo quy định của chế độ kế toán mới
- (ii) Điều chỉnh sai sót liên quan việc xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- (iii) Điều chỉnh sai sót liên quan đến việc lập và trình bày lưu chuyển tiền tệ năm 2014.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3d. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CẤP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.462.498.615			10.462.498.615
Phải thu khách hàng	19.438.811.749			19.438.811.749
Các khoản cho vay	242.290.000.000			242.290.000.000
Các khoản phải thu khác	1.352.795.539.936			1.352.795.539.936
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000			29.020.000.000
Cộng	1.654.006.850.300			1.654.006.850.300
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.188.956.024			4.188.956.024
Phải thu khách hàng	4.084.932.648			4.084.932.648
Các khoản cho vay	782.590.000.000			782.590.000.000
Các khoản phải thu khác	685.854.582.058			685.854.582.058
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000			29.020.000.000
Cộng	1.505.738.470.730			1.505.738.470.730

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3e. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	225.823.404.598			225.823.404.598
Vay và nợ	474.636.316.513	2.281.783.076.668	24.980.986.117	2.781.400.379.298
Các khoản phải trả khác	47.617.186.429	17.900.000.000		65.517.186.429
Cộng	748.076.907.540	2.299.683.076.668	24.980.986.117	3.072.740.970.325
Số đầu năm				
Phải trả người bán	58.877.960.099			58.877.960.099
Vay và nợ	531.386.025.199	1.773.237.465.936	144.529.395.534	2.449.152.886.669
Các khoản phải trả khác	197.700.059.358			197.700.059.358
Cộng	787.964.044.656	1.773.237.465.936	144.529.395.534	2.705.730.906.126

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Các khoản cho vay	242.290.000.000	782.590.000.000
Vay và nợ	(2.781.400.379.298)	(2.449.152.886.669)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(2.539.110.379.298)	(1.666.562.886.669)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm/tăng 50.782.207.586 VND (năm trước giảm/tăng 33.331.257.733 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3g. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.462.498.615		4.188.956.024	
Phải thu khách hàng	19.438.811.749		4.084.932.648	
Các khoản cho vay	242.290.000.000		782.590.000.000	
Các khoản phải thu khác	1.352.795.539.936		685.854.582.058	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.020.000.000		29.020.000.000	
Cộng	1.654.006.850.300		1.505.738.470.730	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÁP TREO BÀ NÀ

Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	2.781.400.379.298	2.449.152.886.669
Phải trả người bán	225.823.404.598	58.877.960.099
Các khoản phải trả khác	65.517.186.429	197.700.059.358
Cộng	<u>3.072.740.970.325</u>	<u>2.705.730.906.126</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Các Thông tin khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Hồng Tiến

Nguyễn Lâm An

Đỗ Thị Tuyết Hạnh